HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) NANG (Middle) KHUONG (First)

Current Address: 173/27 Trần Quoc Thảo. Q.3 TP HCM.

Date of Birth: 6/4/44 Place of Birth: VN.

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) 1st Lt (US Trainee)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 04/16/75 To 01/10/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: Nguyễn Hữu Khuyên
Name
Houston TX 77086
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUESTIONAIRE FOR ODP APPLICANTS

HoChiMinh City July 18 th 1988

A- BASIC IDENTIFICATION DATA :

1- **Full name** : KHUONG NANG NGUYEN
2- **Other name** :
3- **Date/Place of birth** : June 4th 1944, Nang Tinh, Nam Dinh
4- **Residential address** : 173/27 Tran Quoc Thao, Q3, TP Hochiminh, VN
5- **Postal address** : as above
6- **Current Occupation** : Civil Engineer

B- RELATIVES TO ACCOMPANY WITH ME :

FULL NAME	DOB	POB	SEX	MS	RELATIONSHIP
1- Cuc Kim Thi Dang	15/1/1950	SAIGON	F	Married	Wife
2- Phu Thien Nguyen	20/1/1986	SAIGON	M	Single	Son
3- An Thien Nguyen	21/10/1987	SAIGON	M	Single	Son
4- Chi Thi Dinh	1913		F	Widowed	Mother

C- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM :

FULLNAME	RELATIONSHIP	ADDRESS
1- Khuyen Huu Nguyen	Brother	Houston TEXAS 77086 USA
2- Hoa Thi Nguyen	Sister	Garden Grove CA 92643 USA
3- Hong Thi Nguyen	Sister	Garden Grove CA 92643 USA
4- Luot Thi Nguyen	Sister	21 Bassett St Fairy Meadow NSW 2519 Australia

D- COMPLETE FAMILY LISTING :

FULLNAME	ADDRESS
1- **Father** : Cong Huu Nguyen(Deceased)	173/27 Tran Quoc Thao Q3 Hochiminh City - Vietnam
2- **Mother** : Chi Thi Dinh(Widowed)	173/27 Tran Quoc Thao Q3 Hochiminh City - Vietnam
3- **Spouse** : Cuc Kim Thi Dang	173/27 Tran Quoc Thao Q3 Hochiminh City - Vietnam
4- **Son** : Phu Thien Nguyen	173/27 Tran Quoc Thao Q3 Hochiminh City - Vietnam
5- **Son** : An Thien Nguyen	173/27 Tran Quoc Thao Q3 Hochiminh City - Vietnam

6- **Siblings :**

FULL NAME	RELATIONSHIP	ADDRESS
- Khuyen Huu Nguyen	Brother	Houston TEXAS 77086 USA
- Hoa Thi Nguyen	Sister	Garden Grove CA 92643 USA
- Hong Thi Nguyen	Sister	Garden Grove CA 92643 USA
- Luot Thi Nguyen	Sister	21 Bassett St Fairy Meadow NSW 2519 Australia
- Gam Thi Nguyen	Sister	453/114 Tran Quoc Thao Hochiminh City - Vietnam
- Voc Thi Nguyen	Sister	California USA
- Nhung Thi Nguyen(nun)	Sister	25 Yen Bay Danang Vietnam

E- EMPLOYED BY US GOVERMENT OR OTHER US ORGANIZATION :

1- Name of person employed : Khuong Nang Nguyen
2- Date : from Sept. 1965 To May 1966
3- Title of position held : Statistic draftman
4- Agency : G3 USARVN Headquater TSN Saigon, Vietnam
5- Name of supervisor : I could not remember
6- Reason of leaving : Service obligation
7- Training for jobs in Vietnam : none

F - SERVICE WITH GVN OR RVNA :

1- Name of person serving : Khuong Nang Nguyen
2- Date : from Sept 9 th 1967 To April 1975
3- Last rank : First Lieutenant
4- Miliatry Unit : Engineer Corp.
5- Name of supervisor : General Nguyen Van Chuc
6- US awards : The Army Commendation Medal
7- Military I.D. card No : 539 tbc/CDKT - KBC 4118

G- TRAINING OUTSIDE VIETNAM : None

H- RE-EDUCATION :

1- Name of person in Re-education Camp : Khuong Nang Nguyen
2- Total time in Re-education camp : 5 years, 8 months, 9 days
Released : January 1981

I was kept :
at Chi Hoa on 24th June 1975.
transferred to Thu Duc Jail from 1975-1977 .
transferred to Vinh Phu Camp (North Vietnam) from April 14th 1977 to 1981.
I was released on Jan 10th 1981.
I was imprisoned in BEN TRE province for escaping illegally from Vietnam by boat to seek for freedom from May 1982 to May 1984.

Faithfully Yours

Kh

KHUONG NANG NGUYEN

3- DOCUMENTS ATTACHED :

- RVN ARMY CARD, DISCHARGED CERTIFICATES, US ARMY COMMENDATION MEDAL, BIRTH RECORDS.

EXTRACT TRANSLATION OF BIRTH RECORD

(Translated from Vietnamese)

Number : 182 - Volume : 1/86
Issuing Authority : The city people committee
Ward 15 - District 11 - Hochiminh city
Date : 4th Nov 1987

Surname : NGUYEN
Other name : THIEN AN
Sex : Male
Date of Birth : 21st Oct 1987 at 23:30
Place of Birth : Hung Vuong Hospital - Hochiminh City - Vietnam.

	Father	**Mother**
Surname	NGUYEN	DANG
Other name	NANG KHUONG	THI KIM CUC
Date of Birth	4th June 1944	15th Jan 1950
Occupation	Construction Engineer	Bank Officer
Residential Address	173/27 Nguyen Van Troi Street Hochiminh City	299F Ly Thuong Kiet Street Hochiminh City
Nationality	Vietnamese	Vietnamese

Name of applicant : NGUYEN NANG KHUONG

Additional information :

Extract copy certified on 9th Nov 1987
by The City People Committee, TRAN VAN HANH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, khu phố 15

Huyện 11

THÀNH PHỐ Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

NĂM ..

Số 182

Quyển số 1/86

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Họ tên	NGUYỄN THIÊN ÂN	Nam hay Nữ: Nam
Ngày, tháng năm sinh	23 giờ 30 phút ngày hai mươi mốt tháng mười, một chín tám bảy (21-10-1987)	
NƠI SINH	Bệnh Viện Hùng Vương	
PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	NGƯỜI CHA	NGƯỜI MẸ
Họ, tên, tuổi	Nguyễn Năng Khương 1944	Đặng Thị Kim Cúc 1950
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp, chỗ ở	Xây Dựng Tạm trú 173/27 Nguyễn Văn Trỗi P.10 Q3	Kế Toán 299F Lý Thường Kiệt Phường 15 Q11
Họ, tên, tuổi, chỗ ở nơi cấp, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai	Nguyễn Năng Khương	

Người đứng khai
(Đã ký)

Đăng ký ngày 04 tháng 11 năm 1987
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN Phường 15
(Đã ký đóng dấu)

Trần văn Hạnh

Ghi chú : ....

NHẬN THỰC ... Y BẢN CHÍNH
... 1987
... 15 Q11

Trần văn H.

EXTRACT TRANSLATION OF BIRTH RECORD

(Translated from Vietnamese)

Number : 7 - Volume : I/86
Issuing Authority : The city people committee
Ward 15 - District 11 - Hochiminh city
Date : 3rd Feb 1986

Surname : NGUYEN
Other name : THIEN PHU
Sex : Male
Date of Birth : 20th Jan 1986
Place of Birth : Hung Vuong Hospital - Hochiminh City - Vietnam.

	Father	Mother
Surname	NGUYEN	DANG
Other name	NANG KHUONG	THI KIM CUC
Date of Birth	4th June 1944	15th Jan 1950
Occupation	Construction Engineer	Bank Officer
Residential Address	173/27 Tran Quoc ThaoStreet Hochiminh City	299F Ly Thuong Kiet Street Hochiminh City
Nationality	Vietnamese	Vietnamese

Witness : NGUYEN NANG KHUONG

Additional information :

Extract copy certified on 20th Oct 1986
by chief clerk DANG VAN KINH
Registed by TRAN CONG SAN

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn P.15
Thị xã, Quận 11
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 7
Quyển số I/86

Họ và Tên	NGUYỄN THIÊN PHÚ	Nam, nữ XX
Sinh ngày tháng, năm	20/I/1986	
Nơi sinh	BV HUNG VUONG	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN NĂNG KHƯƠNG 1944	ĐẶNG THỊ KIM CÚC 1950
Dân tộc Quốc tịch	KINH VIỆT NAM	KINH VIỆT NAM
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	CNV 173/27 TRẦN QUỐC THẢ	CNV 299F LÝ THƯỜNG KIỆT
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	NGUYỄN NĂNG KHƯƠNG	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 20 *tháng* 10 *năm* 1986
TM, UB ND ký tên đóng dấu
CHÂU VĂN PHONG

Đăng ký ngày 3 *tháng* 2 *năm* 1986
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)
UỶ VIÊN THƯ KÝ
ĐÃ KÝ
TRẦN CÔNG SẢN

EXTRACT TRANSLATION OF BIRTH RECORD

(Translated from Vietnamese)

Number : 567 BIS
Issuing Authority : The chief of Saigon city council
Date : 1950

Surname : DANG
Other name : THI KIM CUC
Date of Birth : 15th Jan 1950 at 15:50
Sex : Female
Place of Birth : 205 Frere Louis Street - Saigon - Vietnam.

	Father	Mother
Surname	DANG	NGUYEN
Other name	VAN BO	THI XIENG
Date of Birth	4th June 1944	15th Jan 1950
Occupation	Mechanic	Housewife
Residential Address	359 Nancy Street Saigon Vietnam	159 Nancy Street Saigon Vietnam

Additional Information :

Extract copy certified on 14th Nov 1966
by chief clerk of Birth certificate Department, TRAN MANH QUY

/ NAM - PHẦN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Bản số 567 bis

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm nam mươi (1950)

Tên, họ đứa nhỏ.	Đặng thị Kim-Cúc
Phái	féminin
Ngày sanh.	le quinze janvier mil neuf cent cinquante à 15h50'
Nơi sanh.	Saigon, 205, rue Frere Louis
Tên, họ người Cha	Đặng văn Bộ qui déclare la reconnaitre
Nghề-nghiệp.	mécanicien
Nơi cư-ngụ	Saigon, 359, rue de Nancy
Tên, họ người mẹ.	Nguyễn thị Xiêng
Nghề-nghiệp	ménagère
Nơi cư-ngụ.	Saigon, 159, rue de Nancy
Vợ chánh hay thứ	---

TRÍCH-LỤC Y BỔN CHÁNH:

Saigon, ngày 14 tháng 11 năm 1966

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

TRƯỞNG-PHÒNG HỘ-TỊCH

Trần-mạnh-Dũng

EXTRACT TRANSLATION OF MARRIAGE CERTIFICATE

(Translated from Vietnamese)

Date of marriage : 20th March 1981
Place of Marriage : Ward 15 - District XI - Hochiminh City - Vietnam
Number 2 - **Volume** 1
Issuing authority : The City people committee

	Bridegroom	**Bride**
Surname	NGUYEN	DANG
Other name	NANG KHUONG	THI KIM CUC
Date of Birth	4th June 1944	15th Jan 1950
Occupation	Construction Engineer	Bank Officer
Residential Address	173/27 Nguyen Van Troi Street Hochiminh City	299F Ly Thuong Kiet Street Hochiminh City
Identification Number		020041948

Particulars of Registration

Date : 20th March 1981
Extract copy certified on 18th Dec 1986
by deputy clerk DIEP VAN BANG
Registed by NGUYEN BA LOC

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn: Phường I5

Thị xã, Quận: Quận XI

Thành phố, tỉnh: Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số II

Quyển I

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên Bí danh	NGUYỄN NĂNG KHƯƠNG (Khương)	DẶNG THỊ KIM CÚC
Sanh ngày tháng năm hay tuổi	ngày bốn tháng sáu năm một chín bốn bốn (04 - 06 - I944)	ngày mười lăm tháng một năm một chín năm mươi (I5 - 0I - I950)
Dân tộc Quốc tịch	kinh Việt nam	kinh Việt nam
Nghề nghiệp	Công nhân thiết kế xây dựng	Công nhân ngân hàng
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	tạm trú I73/27 Nguyễn văn Trỗi F.I6 Quận 3	299F Lý thường Kiệt F. I6 Quận XI
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		020041948

Đăng ký, ngày 20 *tháng* 3 *năm* I98I

TM/UBND Quận XI Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

NGUYỄN BÁ LỘC

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 *tháng* 6 *năm* 86

TM/UBND Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

PHÓ VĂN PHÒNG

[redacted]

TRANSLATION OF DISCHARGED CERTIFICATE

(Translated from Vietnamese)

Issuing Authority : Interior ministry
Camp : Tan Lap
Number : 196 GRT
HSLD 0013/77038

According to Directive Number 966-BCA/TT of The Interior Ministry dated 31st May 1961 to follow the Decision of Discharge Number 79 of The Interior Ministry dated 10th Jan 1981

Mr NGUYEN NANG KHUONG ,DOB : 1944 - POB : Nam Dinh,now has been released and allowed to live at 173/27 Nguyen Van Troi Q3 Hochiminh City

Particulars of prisoner :
Residential address before caught : 173/27 Nguyen Van Troi Q3 Hochiminh City
Offense : First Lieutenant - Civil Eng. of Advanced college.
Caught on 16-4-75.
Sentence : Re-educated

Comments on re-education progress :
Mr Nguyen Nang Khuong recently has identified his guilts He completed all given tasks. He also concentrated on his study of re-education and attended lectures regularly, and shown the improvement in the re-education process. He was ranked from average to good.

According to Decision Number 132 of The City people Committee, Mr Nguyen Nang Khuong is now controlled for 12 months since 26th March 1981.

Additional Information :

- Issued by proctor PHUNG VIET BAN on 18th Jan 1981

BỘ NỘI VỤ

Trại ...

Số 196 GRT

Số USLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 996-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn quyết định tha số 79 ngày 10 tháng 1 năm 1981

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Tên khai sinh Nguyễn năng Khương

tên thường gọi Khuông

tên bí danh

ngày ... tháng ... năm 1944

sinh Nam định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

173/27 Nguyễn văn trỗi, quận 5, TP Hồ Chí Minh

Can tội Trung úy công binh, học viên cao đẳng

Bị bắt ngày 15-4-75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của

Đã bị tăng án ... lần, cộng thành ... năm

Đã được giảm án ... lần, cộng thành ... tháng

Nay về cư trú tại 173/27 Trương minh giảng, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Thời gian gần đây đã nhận thức rõ tội lỗi và có biểu hiện an tâm cải tạo, hoàn thành công việc được giao, học tập tham gia đều tiếp thu được bài, chuyển biến. Hàng kỳ phân loại đều đạt từ trung bình đến khá.

Theo QĐ số 192 của UBND T.phố
Quan chấp hành
Ký 6/3/81

Ngày 15 tháng 1 năm 1981
Giám thị
Phó Giám thị

Phùng viết Bản

Lăn tay ngón trỏ phải
Của Nguyễn năng Khương
Danh bản số 7395
Lập tại Chí hoa

Ký, tên người được cấp giấy

Nguyễn năng Khương, Thương

BỘ NỘI VỤ — TRẠI CẢI TẠO TÂN LẬP

TRANSLATION OF DISCHARGED CERTIFICATE

(Translated from Vietnamese)

Issuing Authority : Interior Ministry - Dept of Police of BEN TRE Province
Number : 559/LT

Mr NGUYEN NANG KHUONG was caught on his way to escape illegally from Vietnam by boat on 9th May 1982.

According to the present laws I, NGUYEN VAN QUANG - Deputy Manager of Police Dept of BEN TRE Province, now release Mr. NGUYEN NANG KHUONG.

The proctor of BEN TRE camp to follow this order.

This order to be submitted to the chief of Dept of People's Control

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH BẾN TRE
Số: 559/LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

LỆNH THA

Tôi NGUYỄN VĂN QUANG
Chức vụ Phó Giám đốc công an tỉnh bến tre
Căn cứ quyết định miễn tố số ngày tháng năm
đối với bị can Nguyễn năng Khương vượt biển trốn ra nước ngoài 9/5/82
Căn cứ vào pháp luật hiện hành:

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn năng Khương Bí danh
Sinh ngày tháng năm 1944
Sinh quán TP HCM
Trú quán 173/27 Nguyễn văn Trỗi Quận 3 tp Hồ Chí Minh
Nghề nghiệp tuxxxe buôn bán
Ông Giám thị trại tạm giam Tỉnh bến tre
thi hành khi nhận được lệnh này.
Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND Tỉnh Bến tre
đề tường.

Ngày 1 tháng 5 năm 1984
GIÁM ĐỐC CA TỈNH BẾN TRE
PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN QUANG

NƠI NHẬN
—Ông Viện trưởng VKSND đề biết
— đề báo cáo
—Ông Giám thị trại tạm giam đề thi hành
— đề biết
—Đương sự khi về trình với biết
—Lưu hồ sơ

TRANSLATION OF DISCHARGED CERTIFICATE

(Translated from Vietnamese)

Issuing Authority : Interior ministry
Camp : QL-CTPN
Number : 426 GRT

According to Directive Number 966-BCA/TT of The Interior Ministry dated 31st May 1961 to follow the Decision of Discharge Number 509 of Police Dept of BEN TRE province dated 1st May 1984

Mr NGUYEN NANG KHUONG ,DOB : 1944 - POB : Nam Dinh,now has been released and allowed to live at 173/27 Nguyen Van Troi Q3 Hochiminh City

Particulars of prisoner :
Residential address before caught : 173/27 Nguyen Van Troi Q3 Hochiminh City
Offense : Escaped illegally from Vietnam by boat to seek for freedom.
Caught on 9th May 1982

Comments on re-education progress :

- Concentrated on re-education study.
- Always laboured hard to make productivity.
- Always followed camp's rules.

Additional Information :

- Issued by deputy proctor DOAN VAN TRUNG on 5th May 1984

BỘ NỘI VỤ
Trại QL_CTPN
Số 426 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 601-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

CÔNG AN T.P HỒ CHÍ MINH
ĐÃ TRÌ 2578
Ngày 23 5
PĐCN

SHSLĐ

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số ______ ngày ___ tháng ___ năm ___

của ______

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ tên khai sinh Nguyễn Hoàng Khương Sinh năm 1944

Các tên gọi khác ______

Nơi sinh TP. Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 173/23 Nguyễn văn Trỗi, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Can tội Vượt biên

Bị bắt ngày 09/05/82 Án phạt ______

Theo quyết định, án văn số ______ ngày ___ tháng ___ năm ___ của ______

______

Đã bị tăng án ______ lần, cộng thành ______ năm ______ tháng ______

Đã được giảm án ______ lần, cộng thành ______ năm ______ tháng ______

Nay về cư trú tại ______

Nhận xét quá trình cải tạo:

- Tư tưởng an tâm học tập cải tạo
- Siêng năng lao động sản xuất
- Nghiêm chỉnh chấp hành tốt nội qui trại

5 - 6 - 85

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: ______

Trước ngày ____ tháng ____ năm 19____

Bàn tay ngón trỏ phải	Họ tên, chữ ký người được cấp giấy	Ngày ___ năm 1984
Của ______		
Danh bản số ______		
Lập tại ______		

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
LỆ PHÍ 50đ

CÔNG AN TỈNH BẾN TRE

DEPARTMENT OF THE ARMY

THIS IS TO CERTIFY THAT
THE SECRETARY OF THE ARMY HAS AWARDED

THE ARMY COMMENDATION MEDAL

TO

FIRST LIEUTENANT NGUYEN NANG KHUONG, 64/144283, ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

FOR

MERITORIOUS SERVICE IN THE REPUBLIC OF VIETNAM FROM DECEMBER 1968 TO MAY 1972

GIVEN UNDER MY HAND IN THE CITY OF WASHINGTON
THIS 25th DAY OF AUGUST 19 72

Fred C. Weyand
FRED C. WEYAND
General, United States Army

Robert F. Froehlke
SECRETARY OF THE ARMY

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

QUÂN LỰC V.N.C.H

TRƯỜNG CÔNG-BINH

THẺ KHÓA-SINH

Số 139 TCB/CĐK1

HỌ và TÊN NGUYỄN NĂNG KHƯƠNG

Cấp-bậc TR-UÝ Số quân 64/144283

Khóa-Học 5 CAO ĐẲNG KỸ THUẬT 78

Hiệu-lực từ 20.12.73 đến 20.04.75

Đại-Tá NGUYỄN-VĂN-TÂM

Huy-Hiệu KBC 4118, ngày 20 tháng 12 năm 1973

Chỉ Huy-Trưởng Trường Công-Binh QLVNCH

Kiêm Giám-Đốc Trường Cao-Đẳng Kỹ-Thuật Công-Binh

Đại-Tá NGUYỄN VĂN SIU

Phó Giám Đốc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

QUÂN - LỰC V.N.C.H

TRƯỜNG CÔNG-BINH

THẺ KHÓA-SINH

HỌ và TÊN NGUYEN NANG KHUONG

Số quân 64/144283 Cấp-bậc Trung-Úy

Khóa-Học 1/72 Dự-Bị CDKT/CB

Hiệu-lực từ 14.08.72 đến 01.10.73

TQKBC 4057, ngày 14.08.1972

T/L Đại-Tá PHAN VĂN DIỄN

Y-THUẬT Giám-Đốc

NG-Đ[illegible] TRƯỜNG CÔNG-BINH

Giám-Đốc

TRƯỜNG CÔNG-BINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020595773

Họ tên NGUYỄN HẰNG KHƯƠNG

Sinh ngày 02-6-1944

Nguyên quán Hà Nam Ninh

Nơi thường trú 173/27 Trần Quang Thảo, P.17, Q.3, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Thiên chúa

NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm cách 1,5cm
dưới sau đuôi mắt

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 06 tháng 9 năm 1988

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Tấn

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN-CƯỚC

Số [illegible]3322

Họ Tên NGUYỄN-[illegible]-KHÔNG

Ngày, nơi sanh 04-06-[illegible]

Ninh-Tỉnh-[illegible]-[illegible]nh

Cha Nguyễn-[illegible]-Công

Mẹ Đinh-Thị-[illegible]

Địa chỉ 173/27 – Tr[illegible]-[illegible]-Giản

Saigon

Dấu vết riêng: Tàn nhang cách 1/2 ngoài lỗ mũi phải		Cao: 1m 61	
		Nặng: 60 Kg	
Chữ ký đương sự:	Ngón trỏ mặt		
[illegible] ngày 28-07-19.70 TUN. Trưởng Ty CSQG - Phó Trưởng Ty	Ngón trỏ trái		
Ngô-Văn-[illegible]a			

EMBASSY OF THE
UNITED STATES OF AMERICA
Bangkok, Thailand

Request for Documents

NAME | DOB | File No.

IV. 93140

Dear Sir/Madam: Date: Sept. 3 1985

Please send us the documents checked below in order to complete the files referred to above. Do not send us documents we have not checked.

BE SURE TO MARK ALL PAPERS WITH THE FILE NUMBERS (IV NUMBERS) WRITTEN ABOVE. ALSO, PLEASE KEEP US INFORMED OF ANY ADDRESS CHANGES, EITHER ON THE PART OF THE U.S. RELATIVE OR THE RELATIVES IN VIETNAM.

✓ (1) One certified copy of the Vietnamese original and a sworn, exact translation of the birth certificate (giay khai sinh) of the relative in the United States, showing the names of his or her parents. (See Note B on page 3.) For: Nguyen Hieu Khuyen

✓ (2) One copy and sworn, exact translation of the original birth certificates (giay khai sinh) of each relative in Vietnam listed in your case/above/below/on attached file worksheet: (See Note B on page 3.)
Nguyen Nang Khuong
Dang Thi Kim Lue

✓ (3) One copy and a sworn, exact translation of the original marriage certificate (giay hon thu) of each relative who is married/or the following relatives: (See Note B on page 3.)
Nguyen Nang Khuong
Dang Thi Kim Lue

If any of the relatives in Vietnam were previously married, we need evidence that the previous marriage was lawfully ended. For this we need one copy and a sworn, exact translation of the death certificate of the earlier spouse(s), or one copy and a sworn, exact translation of the divorce decree. (See Note B on page 3.)

✓ (4) Copies of pre-1975 Vietnamese identity (ID) cards (the can cuoc) of the relative in the U.S. and of the relatives in Vietnam who were issued such ID cards, and copies of the post-1975 ID cards.
Nguyen Hieu Khuyen

ODP-D - Document Request 2/85

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỐI-CAO PHÁP-VIỆN
TÒA HÒA-GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh để tại Phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon
Số : 5944.BT
Số _____ (1)
Ngày 9 tháng 6 năm 60 (1)

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO
NGUYỄN HỮU KHUYẾN

Năm một ngàn chín trăm 60 ngày 9 tháng 6 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN VĂN DOANH Chánh-án Tòa Hòa-Giải Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự phụ-tá PHẠM THỊ MỸ

ĐÃ TRÌNH-DIỆN :

1.— ĐINH VĂN THỌ

2.— NGUYỄN VĂN THÔNG

3.— ĐẠO VĂN HIỆN

Những nhân-chứng nầy đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc NGUYỄN HỮU KHUYẾN (nam)

sanh ngày 03.01.1941 tại Phú-Khai, Bùi-Chu, con của NGUYỄN HỮU CÔNG và Bà ĐINH Thị Chi.

Và duyên cớ mà NGUYỄN HỮU CÔNG không có thể xin sao lục khai-sanh được, là vì

sự giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai sanh nầy cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,
Saigon, ngày 25 tháng 01 năm 1972
CHÁNH-LỤC-SỰ,

PHẠM-ĐÌNH NGHIỆN

GIÁ TIỀN : 15800

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi xin cấp thêm bản sao.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

Ở TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐÔ-THÀNH SAIGON

Lục sao y bản chánh để tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

Số 5944

Ngày 9 tháng 6 năm 1960 L

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN NANG KHƯƠNG

Năm một ngàn chín trăm 60 ngày 9 tháng 6 hồi 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN VĂN DOANH Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự phụ-tá PHẠM THỊ MUI

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— Ô. ĐINH VĂN THỌ

2.— Ô. NGUYỄN VĂN THÔNG

3.— Ô. ĐÀO VĂN HUẤN

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN NANG KHƯƠNG

sanh ngày 04.06.1944 tại Nang tĩnh, Nam định,

con của Ô. NGUYỄN HỮU CHÔNG và B. ĐINH THỊ CHI./.

Và duyên-cớ mà khai-sanh được, là vì Ô. NGUYỄN HỮU CHÔNG không có thể xin sao-lục su giao thông gian đoạn.

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :

Lục-sao y,

Saigon, ngày 20 tháng 6 năm 1960

Lục-Sự,

GIÁ TIỀN : 5$00

GENERAL ASSOCIATION OF FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST
Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O.BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL:

IV. # 93140
VEWL. # _____
I-171: _____ Y _____ N_____

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM
Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)
Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN NANG KHUONG
(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)
2. Sex: MALE DOB: 06 / 04 / 44 / Place of Birth: NAM DINH, VIET NAM
(Phái) (Ngày sinh) (Nơi sinh)
3. Last position/Rank, Agency/Unit: SECOND LIEUTENANT ARTILLERY, GRANNEE TECHNICAL INSTITUTE
(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

B. ARREST
(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 04-16-77
(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)
2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: TAN LAP
(Tên, địa điểm các trại giam)
3. Date of release or still in camps: 01- 15 -1981
(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:
(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: MARRIED
(Có gia đình hay độc thân)
2. If married, pleae complete names of Spouse & Children: DANG, THI KIM CUC (WIFE)
(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)
NGUYEN, THIEN AN (SON)
NGUYEN, THIEN PHU (SON)
DINH THI CHI (mother) 1915
3. Address of family: 173/27 TRAN QUOC THEO, QUAN 3, TP. HO CHI MINH, VIET NAM
(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:
(Người đứng đơn)

1. Name: THERESAHOA NGUYEN Occupation: Housewife
(Họ và tên) (Nghề nghiệp)
2. Address and phone number: GARDEN GROVE, CA. 92643
(Địa chỉ và điện thoại)
3. Relationship with detainee: SISTER
(Liên hệ với tù nhân cải tạo)
4. Status in U.S.A.: Permanent Resident ☐ U.S. Citizen ☑
(Tình trạng cư trú)
5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)
(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đương sự không ?) Yes ☑ No ☐

Date: 12-12-89
(Ngày, tháng, năm)

Therese Hoa Nguyen
Signature of Applicant
(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

HoChiMinh City July 18th, 1988

A- Basic identification Data :

1- Name : KHUONG, NGUYEN NANG
2- Other name :
3- Date/Place of birth : June 4th 1944, Nang tinh, Nam Dinh
4- Residence address : 173/27 ~~Nguyen Van Troi~~, Q.3 TP HoChiMinh, VN
5- Mailing address : Same as above Trần Quoc Theo
6- Current occupation : Engineer

B- RELATIVES to accompany with me :

	NAME	DOB	POB	SEX	MS	RELATIONSHIP
1-	Cuc, Dang thi Kim	Jan.15,1950	Saigon	F	M	Wife
2-	Phu, Nguyen Thien	Jan 20,1986	Saigon	M	S	Son
3-	An, Nguyen Thien	Nov 21,1987	Saigon	M	S	Son
4-	Chi, Dinh thi	1913		F		Mother

C- Relatives outside Vietnam

(In the USA)

Name	Relationship	Address
- Khuyen, Nguyen Huu	Sibblings (brother)	Houston TEXAS 77086 USA
- HOA, Nguyen Thi	Sister	Placentia CA. 92670 USA
-Hong, Nguyen Thi	-	E.Mitchel KY 41017 USA

(In other country)

- Hoan, Pham Tien	(brother) in love	Wellengong NSW AUSTRALIA

D.- COMPLETE FAMILY LISTING :

1-Father : Cong, Nguyen Huu — 173/27 ~~Nguyen Van Troi~~ Tran Quoc Theo, HCM City
2-Mother : Chi, Dinh Thi — -id-
3- Spouse: Cuc, Dang thi Kim — 299 Ly Thuong Kiet, HCM City
4- Children : ~~None~~ 1. Phu Nguyen Thien
6- Sibblings : 2. An Nguyen Thien

- Khuyen Nguyen Huu, Houston TX 77086 USA
- Hoa, Nguyen thi , Placentia CA 92670 USA
- Hong, Nguyen thi , E.Mithcel KY 41017 USA
- Nguyen thi Luot, 173/59 Nguyen Van Troi HCM City, VN
- Nguyen thi Gam, 453/114 Nguyen Van Troi, HCM City, VN
- Nguyen thi Voc, Hocmon HCM City, VN
- Nguyen thi Nhung, Yen Bay Danang, VN.

E.- Employment by US Government or other US Organization:

1- Name of person employed : KHUONG, Nguyen nang
2- Date : from Sept.65 to May 66
3- Title of position held : Statistic draftman
4- Agency : G3 USARVN Headquarter TSN Saigon, VN
5- Name of supervisor : I forget.
6- Reason of leaving : Service obligation
7) Training for jobs in VN : None

F.- Service with GVN or RVNA.:

1- Name of person serving : KHUONG, Nguyen Nang
2- Date : from Sept. ~~1967~~ 1967 to April ~~75~~ 1975 (1967 - 1975)
3- Last rank : First lieutenant
4- Miliatry Unit : Engineer Corp.
5- Name of supervisor : ~~Gene. Nguyen van Chuc~~ Col. Nguyen van Cao
6- US awards : The Army Commendation Medal

G- Training outside VN : None

H. Reeducation :1- Name of person in reeducation : KHUONG, Nguyen Nang
2- Total time in reeducation : 5 years, 8 months, 9 days
Released : January 1981

DOCUMENTS ATTACHED : ~~RVN ARMY CARD~~

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
QUÂN - LỰC V.N.C.H
TRƯỜNG CÔNG-BINH

THẺ KHÓA-SINH

Số 539 TCB/CĐKT

HỌ và TÊN [illegible]

Cấp-bậc TR-[illegible] Số quân [illegible]

Khóa Học 3 CAO ĐẲNG KỸ THUẬT [illegible]

Hiệu lực từ 12.23 đến 20.04.75

Đại - Tá NGUYỄN - VĂN - TÁM

Chỉ-Huy-Trưởng Trường Công-Binh QLVNCH

Kiêm Giám-Đốc Học Cao Đẳng Kỹ-Thuật Công-Binh

Đại Tá NGUYỄN VĂN GIỚI

Số Giám Đốc

KBC 4118 ngày 20 tháng 12 năm 1973

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
TRƯỜNG CÔNG-BINH

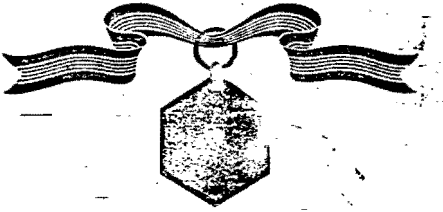

DEPARTMENT OF THE ARMY

THIS IS TO CERTIFY THAT
THE SECRETARY OF THE ARMY HAS AWARDED

THE ARMY COMMENDATION MEDAL

TO

FIRST LIEUTENANT NGUYEN NANG KHUONG, 64/144283, ARMY OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

FOR

MERITORIOUS SERVICE IN THE REPUBLIC OF VIETNAM FROM DECEMBER 1968 TO MAY 1972

GIVEN UNDER MY HAND IN THE CITY OF WASHINGTON
THIS 25th DAY OF AUGUST 19 72

FRED C. WEYAND
General, United States Army

SECRETARY OF THE ARMY

Ministry of Interior
Camp Tan Lap
Serial No. 196 GRT

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

CERTIFICATE OF RELEASE FROM CAMP

According to the Circular No.966-BCA/TT on 05-31-1961 of the Interior Ministry
In executing the Decision of Release No. 79 on 01-10-1981 of the Interior Ministry .

This Certificate is issue to :

Full name	NGUYEN NANG KHUONG
Date of birth	1944
Place of birth	NAM DINH
Residence	173/27 NGUYEN VAN TROI, DISTRICT 3, HO CHI MINH CITY
Offense	SECOND LIEUTENANT ARTILLERY, GRANNEE TECHNICAL INSTITUTE
Arrested on	APRIL 16, 1977
Judgement	TTCT
Domicile at	173/27 TRUONG MINH GIANG, DISTRICT 3, HO CHI MINH CITY

Observation of the past record of Re-education : 12 month-probation

Thoughts	N/A
Manual Works	----
Regulations	----
Education & Training	----
Probation	----
Right Index finger	PRINTED

On Jan. 15, 1981
Supervisor

Signed and Sealed

SWORN TO BEFORE ME ON THIS
12th December
NOTARY PUBLIC

SEAL
MY COMMISSION EXPIRES JAN 23, 1991

I declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation .

Kim Pham

BỘ NỘI VỤ

Trại [illegible]

Số 196 GRT.

1014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 21 tháng 11 năm 1972

Số HSLP. 0 0 1 5 7 0 3 6 5 1 2 8 1 1

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 79 ngày 10 tháng 1 năm 1981

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn năng Khương

Họ, tên thường gọi Khuông

Họ, tên bí danh

Sinh ngày ...... tháng ...... năm 1944

Nơi sinh Nam định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

173/27 Nguyễn văn trỗi, quận 3, TP Hồ Chí minh

Can tội Trung úy, công binh, học viên cao đẳng kỹ thuật

Bị bắt ngày 15-4-77 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ...... ngày ...... tháng ...... năm ...... của ......

Đã bị tăng án ...... lần, cộng thành ...... năm

Đã được giảm án ...... lần, cộng thành ...... tháng

Nay về cư trú tại 173/27 Trương minh giảng, quận 3, TP Hồ Chí minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Thời gian gần đây đã mắc [illegible] có biểu hiện tiến cải tạo, hoàn thành công việc được giao, học tập tham gia đầu tiếp thu [illegible] chuyển biến. Hàng kỳ phân loại liên hạng từ trung bình đến khá.

Theo cđt số 192 của UBND Tphố

Quan cho nhập hộ khẩu

Kế Tú 26/3/81

Lăn tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn năng Kh...

Danh bản số 7365

Lập tại Chí hòa

Họ tên chữ ký người được cấp giấy

Nguyễn năng Khương

Ngày ... tháng 1 năm 1981

Giám thị

[illegible]

Thượng tá Phùng viết Bản

PUBLIC COMMITTEE
HAMLET 15
DISTRICT 11
CITY HCM

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

COPY OF MARRIAGE CERTIFICATE

No 11
Book No 01

Husband's name	NGUYEN NANG KHUONG
Date of birth	JUNE 04, 1944
Place of birth	----
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	CONTRACTOR
Residence	173/27 NGUYEN VAN TROI, WARD 16,DISTRICT 3
ID#	----
Wife's name	DANG THI KIM CUC
Date of birth	JAN. 15, 1950
Place of birth	----
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	BANK EMPLOYEE
Residence	269F LY THUONG KIET,WARD 15,DISTRICT 11
ID#	020041948
Date of marriage	MAR. 20, 1981

CERTIFY TRUE COPY FROM THE ORIGINAL
MAY 31, 1986

FOR PUBLIC COMMITTEE
SIGNED AND SEALED

ESTABLISHED ON
MAR. 20, 1981

FOR PUBLIC COMMITTEE
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS
12th DAY OF December, 1986
NOTARY PUBLIC

OFFICIAL SEAL
LIEN NGUYEN
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
COUNTY
MY COMMISSION EXPIRES JULY 29, 1991

I,declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

Kim Pham

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn 15
Thị xã, Quận II
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số II
Quyển I

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	NGUYỄN NANG KHƯƠNG	ĐẶNG THỊ KIM CÚC
Sanh ngày tháng năm hay tuổi	ngày bốn tháng sáu năm một chín bốn bốn (04 - 6 - 1944)	ngày mười lăm tháng một năm một chín năm mươi (15 - 01 - 1950)
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp	Công nhân Thiết kế Xây dựng	Công nhân ngân hàng
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	tạm trú 173/27 Nguyễn văn Trỗi F 16 Q3	269 F Lý thường Kiệt F, 15 Q II
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu		020041948

Đăng ký, ngày 20 *tháng* 5 *năm* 1981
TM/UBND [illegible] Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)
Nguyễn [illegible] Lộc

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 31 *tháng* 5 *năm* 86
TM/UBND [illegible] Ký tên đóng dấu
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)
PHÓ VĂN PHÒNG

Điệp Văn Bông

REPUBLIC OF VIETNAM

MINISTRY OF JUSTICE
COURT OF CONSILIATION
SAIGON

EXTRACT OF THE COURT ORDER FROM THE
COURT OF CONSILIATION SAIGON

No 5944
On June 09, 1960

AN AFFIDAVIT IN LIEU OF BIRTH CERTIFICATE FOR :

NGUYEN NANG KHUONG

Year of 1960 on 9th day of June at 7.30 hr..
In front of us Mr. Nguyen Van Doanh , Judge of the Court of Reconsiliation Saigon , at the office 115 Nguyen Hue Blvd. Court Clerk Pham Thi Mui assistance .

HAVE APPEARED :

1- Mr. Dinh Van Tho
2- Mr. Nguyen Van Thong
3- Mr. Dao Van Huan

The above witnesses have declared ande certify that they know :

NGUYEN NANG KHUONG
Born on June 04, 1944 at Nang Tinh Village, Nam Dinh
Is the child of Mr. Nguyen Huu Cong and Mrs. Dinh Thi Chi

And the reason that an extract of birth certificate could not be done is due to the break of transportation .

EXTRACT FROM THE ORIGINAL

AT SAIGON ON JUNE 20, 1960
COURT CLERK
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS
12th DAY OF December, 1989
NOTARY PUBLIC

OFFICIAL SEAL
LIEN NGUYEN
NOTARY PUBLIC - CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
COUNTY
MY COMMISSION EXPIRES JULY 29, 1991

I declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

Kim Pham

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐÔ-THÀNH SAIGON

Lục sao y bản chánh để tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

Số 5944

Ngày 9 tháng 6 năm 1960

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYEN NANG KHUONG

Năm một ngàn chín trăm 60 ngày 9 tháng 6 hồi 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là NGUYEN VAN DOANH Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự phụ-tá PHAM THI MUI

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.— O. DINH VAN THO

2.— O. NGUYEN VAN THONG

3.— O. DAO VAN HUAN

Những nhân-chứng nầy đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYEN NANG KHUONG

sanh ngày 04.06.1944 tai Nang tinh, Nam dinh,

con cua O. NGUYEN HUU CONG và B. DINH THI CHI./.

Và duyên-cớ mà O. NGUYEN HUU CONG không có thể xin sao-lục khai-sanh được, là vì su giao thông gian doan.

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh nầy cho đương-sự để xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :

Lục-sao y,

Saigon, ngày 20 tháng 6 năm 1960

Lục-Sự,

GIÁ TIỀN : 5$00

Nhà in Ng-van-Huân, 72/4, Ng.-dinh-Chiêu, Saigon

PUBLIC COMMITTEE
HAMLET 15
DISTRICT 11
CITY HCM

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPINESS

COPY OF BIRTH CERTIFICATE

No 7
Book No 1/86

Child's name	NGUYEN THIEN PHU
Sex	MALE
Date of birth	JAN. 20, 1986
Place of birth	HUNG VUONG HOSPITAL
Father's name	NGUYEN NANG KHUONG
Age	1944
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	LABOR
Residence	173/27 TRAN QUOC THAO
Mother's name	DANG THI KIM CUC
Age	1950
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	LABOR
Residence	299F LY THUONG KIET
Applicant's name	NGUYEN NANG KHUONG
Age	----
Residence	----
ID#	----

CERTIFY TRUE COPY FROM THE ORIGINAL
ON MAY 31, 1986

ESTABLISHED ON FEB. 03, 1986

FOR PUBLIC COMMITTEE
SIGNED AND SEALED

FOR PUBLIC COMMITTEE
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS
12 DAY OF December, 1989
Lien Nguyen NOTARY PUBLIC

OFFICIAL SEAL
LIEN NGUYEN
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
COUNTY
MY COMMISSION EXPIRES JULY 23, 1991

I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

Kim Pham

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn 15

Thị xã, Quận 11

Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 7

Quyển số 1/86

Họ và Tên	NGUYỄN THIỆN THƯ	Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	hai mươi, tháng một, năm một chín tám sáu (20 - 1 - 1986)	
Nơi sinh	B V Hùng Vương	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN NĂNG KHƯƠNG 1944	ĐẶNG THỊ KIM CÚC 1950
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	CNV 173/27Trần quốc Thảo	CNV 299F Lý thường Kiệt
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Năng Khương	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 21 tháng 5 năm 1992

TM. UB ND ký tên đóng dấu

Đặng Văn Bông

Đăng ký ngày 9 tháng 2 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/ UBND Q.11

TRẦN CÔNG SAN

Ủy Viên Thư Ký

PUBLIC COMMITTEE
HAMLET 15
DISTRICT 11
CITY HO CHI MINH

REPUBLIC SOCIALISM OF VIET NAM
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPINESS

COPY OF BIRTH CERTIFICATE

No 182
Book No 1/86

Child's name	NGUYEN THIEN AN
Sex	MALE
Date of birth	OCT. 21, 1987
Place of birth	HUNG VUONG HOSPITAL
Father's name	NGUYEN NANG KHUONG
Age	1944
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	CONTRACTOR
Residence	173/27 NGUYEN VAN TROI, WARD 16, DISTRICT 3
Mother's name	DANG THI KIM CUC
Age	1950
Race	DELTA
Nationality	VIET NAM
Occupation	ACCOUNTING
Residence	299F LY THUONG KIET, WARD 15, DISTRICT 11
Applicant's name	NGUYEN NANG KHUONG
Age	----
Residence	----
ID#	----

CERTIFY TRUE COPY FROM THE ORIGINAL
ON NOV. 09, 1987

ESTABLISHED ON NOV. 04, 1987

FOR PUBLIC COMMITTEE
SIGNED AND SEALED

FOR PUBLIC COMMITTEE
SIGNED AND SEALED

SUBSCRIBED AND SWORN TO BEFORE ME ON THIS
12th DAY OF December, 1987
Lien Nguyen NOTARY PUBLIC

OFFICIAL SEAL
LIEN NGUYEN
NOTARY PUBLIC-CALIFORNIA
PRINCIPAL OFFICE IN
ORANGE COUNTY
MY COMMISSION EXPIRES JULY 29, 1991

I, declare that I am proficient in both English and Vietnamese and the above translation is to the best of my knowledge, a true and correct translation.

Kim Pham

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, khu phố 15
Huyện 11
THÀNH PHỐ Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

NĂM ...
Số 182
Quyển số 1/86

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Họ tên	NGUYỄN THIÊN ÂN	Nam hay Nữ	Nam
Ngày, tháng năm sinh	23 giờ 30 phút ngày hai mươi mốt tháng mười một năm một chín tám bảy (21-11-1987)		
Nơi sinh	Bình Viên Hùng Vương		
PHẦN KHAI VỀ CHA MẸ	NGƯỜI CHA	NGƯỜI MẸ	
Họ, tên, tuổi	Nguyễn Năng Khương 1944	Đặng Thị Kim Cúc 1950	
Dân tộc Quốc tịch	Kinh Việt Nam	Kinh Việt Nam	
Nghề nghiệp, chỗ ở	Xây Dựng làm tại 193/27 Nguyễn văn Trỗi P10, Q3	Kế Toán 299F Lý Thường Kiệt Phường 15 Quận 11	
Họ, tên, tuổi, chỗ ở nơi cấp, số và ngày cấp giấy chứng minh (nếu có) của người đứng khai	Nguyễn Năng Khương		

Người đứng khai
(Đã ký)

Đăng ký ngày 04 tháng 11 năm 1987
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN Phường 15
(Đã ký đóng dấu)

Ghi chú :

THỰC SAO Y BẢN CHÍNH
11 tháng 11 năm 1987
ỦY BAN NHÂN DÂN P.15 Q.11

KHUONG NANG NGUYEN
173/27 Tran Quoc Thao St
P9-Q3 Hochiminh City
South Vietnam

Hochiminh Sept 21st 1989

ORDERLY DEPARTURE OFFICE
131 SOITIENSIANG
SOUTH SATHORN ROAD
BANGKOK 10.120
THAILAND

RE: Information concerning leaving Vietnam under ODP scheme for entry to America for resident

I, Khuong Nang Nguyen, of 173/27 Tran Quoc Thao Street P9 Q3 Hochiminh City South Vietnam, write this letter to seek your generous assistance in your efforts to have my family brought to America.

I had been in the Army of the Republic of Vietnam from September 1967 to April 1975. My rank was First lieutenant. After the fall of Saigon I was caught and imprisoned at Chi Hoa then Thu Duc (1975-1977). On the 14th of April 1977 I was transferred to the re-education camp at Vinh Phu in North Vietnam and was re-educated under the the Vietnamese communism until 1981. Finally, on Jan 10th 1981 I was released.

During the period of 1967-1975 stayed in the Army of the Republic of Vietnam I have always appreciated all the efforts of American Government to help our people. During the period of 1975-1981 stayed in the re-education camp I have found the Vietnamse communism is the most anti-human regime so that I can not live on.

I believe that the American Government now has released a generous policy for people who worked in the Army of the Republic of Vietnam before 1975 (especially for people who were re-educated under the Vietnamese communism) to enter to America for living.

Could you generously consider my case and grant my family permission to enter to America for living. The necessary documents are enclosed with this letter for your convenient inspection.

As there would be some difficulties in receiving letter sent directly from your office, would you kindly direct your reply in your earliest convenience to my relatives' addresses stated below they will send your reply to me in family letter form for safe.

Your kind consideration would be sincerely appreciated and I am anxiously looking forward to receiving your reply.

Yours Respectfully

Kh

KHUONG NANG NGUYEN

All correspondence to
c/o : Mr Han Pham
21 Bassett Street.
Fairy Meadow NSW 2519.
AUSTRALIA

OR
Mr. Khuyen Huu Nguyen

TEXAS 77086
USA

KHUONG NANG NGUYEN
173/27 Tran Quoc Thao St
P9-Q3 Hochiminh City
South Vietnam

Hochiminh Sept 21st 1989

ORDERLY DEPARTURE OFFICE
131 SOITIENSIANG
SOUTH SATHORN ROAD
BANGKOK 10.120
THAILAND

RE: Information **cheme**

I, Khuong Nang Nguyen, of 1[illegible] ty South Vietnam, write this letter to seek your [illegible] family brought to America.

I had been in the Army of the [illegible] ril 1975. My rank was First lieutenant. After the f[illegible] loa then Thu Duc (1975-1977). On the 14th of [illegible] n camp at Vinh Phu in North Vietnam and wa[illegible] nism until 1981. Finally, on Jan 10th 1981 I wa[illegible]

During the period of 1967-197[illegible] I have always appreciated all the efforts of A[illegible] to help our people. During the period of 1975-1981 stayed in the re-education camp I have found the Vietnamse communism is the most anti-human regime so that I can not live on.

I believe that the American Government now has released a generous policy for people who worked in the Army of the Republic of Vietnam before 1975 (especially for people who were re-educated under the Vietnamese communism) to enter to America for living.

Could you generously consider my case and grant my family permission to enter to America for living. The necessary documents are enclosed with this letter for your convenient inspection.

As there would be some difficulties in receiving letter sent directly from your office, would you kindly direct your reply in your earliest convenience to my relatives' addresses stated below they will send your reply to me in family letter form for safe.

Your kind consideration would be sincerely appreciated and I am anxiously looking forward to receiving your reply.

Yours Respectfully

KHUONG NANG NGUYEN

All correspondence to
c/o : Mr Han Pham
21 Bassett Street.
Fairy Meadow NSW 2519.
AUSTRALIA

OR
Mr. Khuyen Huu Nguyen

TEXAS 77086
USA

Theresa Hoa Nguyen
[redacted]
Garden Grove CA 92643

FIRST CLASS

Hoi cuu Tu Nhan chinh Tri Cong San VN

P.O.BOX 5435

DEC 20 1989

Arlington VA 22205-0635

DEC 0 1989

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form 1/3/90
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ CDP/Date _____
____ Membership; Letter